

Số: 4890/KH-UBND

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 6 năm 2019

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Đề án "Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025"**

#### **I. Căn cứ pháp lý xây dựng kế hoạch**

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025";

Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới;

Quyết định số 2442/QĐ -UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực Đề án "Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025";

Công văn số 490/UBNDT-HVDT ngày 17/5/2019 về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

#### **II. Mục tiêu**

##### **1. Mục tiêu chung**

Nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; kỹ năng sử dụng tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số. Góp phần thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

###### **2.1. Đến năm 2020:**

- Tối thiểu 50% cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3 và nhóm đối tượng 4 của Sở, ban, ngành được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức dân tộc.

- Tối thiểu 20% cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3, nhóm đối tượng 4 của cấp huyện, cấp xã tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số được bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

## 2.2. Đến năm 2025:

- Tối thiểu 80% cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3 và nhóm đối tượng 4 của cấp tỉnh được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức dân tộc.

- Tối thiểu 80% cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3, nhóm đối tượng 4 của cấp huyện, cấp xã tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số được bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

## III. Đối tượng

Cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp theo dõi công tác dân tộc, chuyên trách làm công tác dân tộc; cán bộ, công chức, viên chức công tác tại địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số; cán bộ cấp cơ sở tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số, gồm 2 nhóm đối tượng sau:

### 1. Nhóm đối tượng 3:

Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn các huyện, thị xã, thành phố; Trưởng, Phó ban ngành trực thuộc huyện ủy, thành ủy, thị ủy; Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã); Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học nội trú, bán trú ở địa bàn đông đồng bào dân tộc thiểu số.

### 2. Nhóm đối tượng 4:

Công chức, viên chức trực tiếp tham mưu, theo dõi về công tác dân tộc ở cơ quan các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; cán bộ, công chức cấp xã; bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn đông đồng bào dân tộc thiểu số.

### 3. Phạm vi áp dụng:

Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh; huyện, thị xã, thành phố, xã thuộc tỉnh.

## IV. Chương trình, tài liệu và hình thức bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số

1. Chương trình, tài liệu và hình thức bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số sử dụng tài liệu do Ủy ban Dân tộc ban hành.

2. Hình thức bồi dưỡng:

2.1. Kiến thức dân tộc:

- Nhóm đối tượng 3: Bồi dưỡng tập trung 05 ngày/năm (6 chuyên đề giảng dạy và 9 chuyên đề tham khảo).

- Nhóm đối tượng 4: Bồi dưỡng tập trung 05 ngày/năm (6 chuyên đề giảng dạy và 8 chuyên đề tham khảo).

## 2.2. Tiếng dân tộc thiểu số:

Tiếng dân tộc thiểu số được tổ chức cho nhóm đối tượng 3 và nhóm đối tượng 4 ở cấp huyện, cấp xã tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số theo hình thức bồi dưỡng trực tiếp và cung cấp tài liệu nghiên cứu.

## V. Kế hoạch thực hiện

(Có bảng chi tiết kèm theo)

## VI. Tổ chức thực hiện

### 1. Ban Dân tộc:

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Dân tộc cụ thể hóa chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với đặc điểm của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3, nhóm đối tượng 4 của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức dân tộc thiểu số, tiếng dân tộc thiểu số hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ủy ban Dân tộc kết quả thực hiện Đề án.

### 2. Sở Nội vụ: Là cơ quan chủ trì thực hiện Kế hoạch có nhiệm vụ:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự toán kinh phí cả giai đoạn và hằng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, phê duyệt.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các đơn vị liên quan định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

### 3. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Nội vụ, Ban Dân tộc và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện kế hoạch và đề nghị các Bộ, ngành liên quan hỗ trợ kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

#### 4. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Ban Dân tộc tỉnh và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc tổ chức biên soạn tài liệu học tiếng dân tộc, bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ công chức, viên chức theo nhóm đối tượng 3 và nhóm đối tượng 4.

#### 5. Các Sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Phối hợp với Sở Nội vụ, Ban Dân tộc tỉnh để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thuộc phạm vi quản lý; gửi Sở Nội vụ tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

#### Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT (b/c);
- Ủy ban Dân tộc (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng: KGVX, KT;
- Lưu: VT, TH (ĐUC-50b)



**CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**

**KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC DÂN TỘC VÀ TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2018-2025**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 4890 /KH-UBND ngày 18 /6/2019 của UBND tỉnh)

STT	Nhóm đối tượng	Tổng số CBCCVC	Giai đoạn 2018-2020				Giai đoạn 2020-2025				Tổng số đến năm 2025			
			Số người	Số lớp	Đạt tỷ lệ %	Kinh phí (triệu đồng)	Số người	Số lớp	Đạt tỷ lệ %	Kinh phí (triệu đồng)	Số người	Số lớp	Đạt tỷ lệ %	Kinh phí (triệu đồng)
<b>A</b>	<b>BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC DÂN TỘC</b>													
<b>I</b>	<b>Đối tượng 3</b>	<b>3.533</b>	<b>1.767</b>	<b>29</b>	<b>1</b>	<b>4.350</b>	<b>1.060</b>	<b>17</b>	<b>30%</b>	<b>2.550</b>	<b>2.826</b>	<b>46</b>	<b>80%</b>	<b>6.900</b>
1	Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương, Cấp trưởng, cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2.310	1.155	23	50%	3.450	693	13	30%	1.950	1.848	36	80%	5.400
2	Cấp xã (BT, PBT, CT-PCT HDND, CT-PCT UBND)	1.223	612	6	50%	900	367	4	30%	600	978	10	80%	1.500
<b>II</b>	<b>Đối tượng 4</b>	<b>48.120</b>	<b>24.061</b>	<b>441</b>	<b>50%</b>	<b>127.550</b>	<b>14.458</b>	<b>265</b>	<b>30%</b>	<b>40.500</b>	<b>38.519</b>	<b>706</b>	<b>80%</b>	<b>11.600</b>
1	Cán bộ, công chức, viên chức	40.098	20.050	401	50%	120.300	12.050	241	30%	36.150	32.100	642	80%	
2	CBCC cấp xã	3.060	1.530	15	50%	2.250	918	9	30%	1.350	2.448	24	80%	3.600
3	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, buôn, tổ dân phố	4.962	2.481	25	50%	5.000	1.490	15	30%	3.000	3.971	40	80%	8.000
	<b>TỔNG A</b>	<b>51.653</b>	<b>25.828</b>	<b>470</b>	<b>50%</b>	<b>131.900</b>	<b>15.518</b>	<b>282</b>	<b>30%</b>	<b>43.050</b>	<b>41.345</b>	<b>752</b>	<b>80%</b>	<b>18.500</b>
<b>B</b>	<b>BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ</b>													
<b>I</b>	<b>Đối tượng 3</b>	<b>3.533</b>	<b>707</b>	<b>13</b>	<b>20%</b>	<b>4.290</b>	<b>2.120</b>	<b>35</b>	<b>60%</b>	<b>11.659</b>	<b>2.826</b>	<b>48</b>	<b>80%</b>	<b>15.949</b>
1	Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương, Cấp trưởng, cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2.310	462	9	20%	2.970	1.386	23	60%	7.623	1.848	32	80%	10.593
2	Cấp xã (BT, PBT, CT-PCT HDND, CT-PCT UBND)	1.223	245	4	20%	1.320	734	12	60%	4.036	978	16	80%	5.356

<b>II</b>	<b>Đối tượng 4</b>	<b>48.120</b>	<b>9.624</b>	<b>187</b>	<b>20%</b>	<b>62.900</b>	<b>28.873</b>	<b>561</b>	<b>60%</b>	<b>29.900</b>	<b>6.418</b>	<b>107</b>	<b>80%</b>	<b>40.000</b>
1	Cán bộ, công chức, viên chức	40.098	8.020	160	20%	52.800	24.059	481	60%	158.730	32.078	641	80%	
2	CBCC cấp xã	3.060	612	10	20%	3.300	1.836	30	60%	9.900	2.448	40	80%	13.200
3	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, buôn, tổ dân phố	4.962	992	17	20%	6.800	2.978	50	60%	20.000	3.970	67	80%	26.800
	<b>TỔNG B</b>	<b>51.653</b>	<b>10.330</b>	<b>200</b>	<b>20%</b>	<b>67.190</b>	<b>30.993</b>	<b>596</b>	<b>60%</b>	<b>41.559</b>	<b>9.244</b>	<b>155</b>	<b>80%</b>	<b>55.949</b>

**Ghi chú:**

1. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc:

- Từ 08-100 học viên/lớp;

- Lớp bồi dưỡng cho CBCCVC, CBCC cấp xã: 150.000.000 đồng/lớp;

- Lớp bồi dưỡng cho Bí thư Chi bộ và Trưởng thôn, buôn, Tổ trưởng tổ dân phố: 200.000.000 đồng/lớp (hỗ trợ kinh phí đi lại và ở cho người hoạt động không chuyên trách).

2. Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số:

- Từ 50-60 học viên/lớp;

- Lớp bồi dưỡng cho CBCCVC, CBCC cấp xã: 330.000.000 đồng/lớp;

- Lớp bồi dưỡng cho Bí thư Chi bộ và Trưởng thôn, buôn, Tổ trưởng tổ dân phố: 400.000.000 đồng/lớp (hỗ trợ kinh phí đi lại và ở cho người hoạt động không chuyên trách).